

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Trung tâm Spa Suối khoáng nóng Giáng Hương, thôn Thủy Tú, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v Ban hành Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông báo số 413/TB-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Kết luận tại cuộc họp nghe báo cáo việc Công ty TNHH Dịch vụ Thiên Nhiên Xanh đăng ký chủ trương đầu tư Dự án Trung tâm Spa suối khoáng nóng Giáng Hương tại thôn Thủy Tú, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa v/v phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Trung tâm Spa Suối khoáng nóng Giáng Hương tại thôn Thủy Tú, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Dịch vụ Thiên Nhiên Xanh tại Tờ trình số 28/TTr - TNX ngày 01/12/2017 v/v thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Trung tâm Spa Suối khoáng nóng Giáng Hương tại thôn Thủy Tú, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang và Kết quả thẩm định đồ án quy hoạch của Sở Xây dựng tại văn bản số 275/SXD-KTQH ngày 23/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Trung tâm Spa suối khoáng nóng Giáng Hương với những nội dung chính như sau:

I. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Trung tâm Spa Suối khoáng nóng Giáng Hương.



II. Quy mô, địa điểm và giới hạn khu vực lập quy hoạch.

Khu vực lập quy hoạch thuộc thôn Thủy Tú, xã Vĩnh Thái, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; có tổng diện tích là 63.802,2 m²; bao gồm 02 khu chức năng có vị trí giới hạn như sau:

- Khu A có diện tích là 36.316,0 m²:
 - + Phía Đông giáp núi Giáng Hương và tuyến đường đất ven sông Tắc.
 - + Phía Tây giáp nghĩa trang Vĩnh Thái và tuyến đường sắt cao tốc quy hoạch rộng 60m.
 - + Phía Nam giáp núi Giáng Hương.
 - + Phía Bắc giáp khu tái định cư.
- Khu B có diện tích là 27.486,2 m²:
 - + Phía Đông giáp tuyến đường sắt cao tốc quy hoạch rộng 60m.
 - + Phía Tây giáp núi Giáng Hương và nghĩa trang Vĩnh Thái .
 - + Phía Nam giáp nghĩa trang Vĩnh Thái.
 - + Phía Bắc giáp khu tái định cư.

III. Mục tiêu, tính chất: Quy hoạch xây dựng Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, dịch vụ Spa khoáng nóng.

IV. Nội dung quy hoạch chi tiết.

1. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

- Diện tích quy hoạch: 63.802,2 m²;
- Số người lưu trú nghỉ dưỡng: 60 – 100 người/ngày-đêm;
- Số người sử dụng dịch vụ tắm khoáng, bùn và các dịch vụ khác: 650 - 1200 người/ngày;
- Mật độ xây dựng toàn khu: 13,5%;
- Tiêu chuẩn về diện tích nhà nghỉ: 60-100 m²/chỗ nghỉ;
- Tầng cao xây dựng công trình: 01 đến 03 tầng;
- Tiêu chuẩn cây xanh: 10 – 12 m²/người;
- Tiêu chuẩn cấp nước: 180 – 250 lít/người/ngày-đêm;
- Tiêu chuẩn thoát nước thải: 180 – 250 lít/người/ngày-đêm;
- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt: 2 – 3 kw/người/ngày-đêm;
- Tiêu chuẩn thu gom rác thải: 1kg/người/ngày-đêm.

2. Phân khu chức năng.

Cơ cấu tổ chức quy hoạch gồm 02 khu:

- Khu A: Là khu spa cộng đồng, gồm:
 - + Khu Dịch vụ: Gồm nhà hàng, cafe, nhà đón tiếp, các hồ tắm khoáng, phòng tắm riêng, Spa, Massage và các công trình phụ trợ khác.

+ Khu nghỉ dưỡng: Gồm các bungalow được bố trí riêng tư, đầy đủ tiện nghi cho 2 đến 4 người.

+ Khu công viên cây xanh, mặt nước: Được tổ chức xen lẫn trong các khu chức năng chính của khu A, tạo nhiều mảng xanh cho khu vực

- Khu B: Là khu du lịch cao cấp vip Spa, gồm:

+ Khu Dịch vụ: Gồm nhà hàng, cafe, nhà đón tiếp, hồ tắm chung (hồ massage, hồ điều hòa, thác nước, hồ nước mát, hồ trẻ em,...), bồn tắm bunn, phòng tắm riêng VIP, Spa VIP, Massage và các công trình phụ trợ khác.

+ Khu nghỉ dưỡng: Gồm các bungalow VIP được bố trí riêng tư, đầy đủ tiện nghi.

+ Khu công viên cây xanh, mặt nước: Được tổ chức xen lẫn trong các khu chức năng chính của khu B, tạo nhiều mảng xanh cho khu vực.

3. Quy hoạch sử dụng đất.

- Bảng cân bằng đất đai:

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (m ²)	TỈ LỆ (%)
1	Đất dịch vụ	17.445,1	27,34
2	Đất nghỉ dưỡng	5.928,5	9,29
3	Đất cây xanh, mặt nước	24.979,7	39,15
4	Đất chuẩn bị kỹ thuật	492,1	0,77
5	Đất giao thông, sân bãi	14.956,8	23,44
	Tổng	63.802,2	100,00

- Bảng thống kê chi tiết sử dụng đất:

KH LÔ ĐẤT	TÊN LÔ ĐẤT	DIỆN TÍCH LÔ (m ²)	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT
	KHU A	36.316				
	ĐẤT DỊCH VỤ	8.010,6	-	-	-	-
DV1	Nhà đón tiếp + Khu vực chờ + Lưu niệm	1.450,7	515,0	515,0	35,50	0,36
DV2	Nhà thay đồ	278,3	133,2	133,2	47,86	0,48
DV3	Spa	612,1	259,4	518,8	42,38	0,85
DV4	Nhà hàng + Café	1.073,5	233,6	233,6	21,76	0,22
DV5	Khu tắm khoáng nóng	1.141,9	814,8	814,8	71,35	0,71
DV6	Nhà đón tiếp + Phục vụ khách phòng tắm riêng	257,0	137,3	274,6	53,43	1,07
DV7	Khu tắm riêng, Tắm bunn 1	461,7	148,4	148,4	32,13	0,32
DV8	Khu tắm riêng, Tắm bunn 2	2.122,3	475,3	475,3	22,39	0,22
DV9	Nhà Massage	269,8	225,7	225,7	83,65	0,84

KH LÔ ĐẤT	TÊN LÔ ĐẤT	DIỆN TÍCH LÔ (m ²)	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT
DV10	Nhà đón tiếp + Phục vụ Bungalow	343,3	137,3	137,3	39,99	0,40
ĐẤT NGHỈ DƯỠNG		3.077,7	-	-	-	-
ND1	Bungalow 1	1.042,6	362,9	362,9	34,81	0,35
ND2	Bungalow 2	2.035,1	716,4	716,4	35,20	0,35
CÂY XANH, MẶT NƯỚC		16.123,4	-	-	-	-
CX1	Cây xanh 1	14.804,5	-	-	-	-
CX2	Cây xanh 2	645,2	-	-	-	-
CX3	Cây xanh 3	248,3	-	-	-	-
CX4	Cây xanh 4	425,4	-	-	-	-
ĐẤT CHUẨN BỊ KỸ THUẬT		263,2	105,3	210,6	40,01	0,80
GIAO THÔNG, SÂN BÃI		8.841,3	-	-	-	-
KHU B		27.486,2				
ĐẤT DỊCH VỤ		9.434,5	-	-	-	-
DV1	Nhà đón tiếp + Khu vực chờ + Lưu niệm	1.255,7	515,0	515,0	41,01	0,41
DV2	Nhà thay đồ	594,6	133,2	133,2	22,40	0,22
DV3	Spa VIP	569,6	259,4	518,8	45,54	0,91
DV4	Nhà hàng + Café	681,9	233,6	233,6	34,26	0,34
DV5	Khu tắm khoáng nóng	1.481,2	814,8	814,8	55,01	0,55
DV6	Nhà đón tiếp + Phục vụ khách phòng tắm VIP	437,3	137,3	274,5	31,39	0,63
DV7	Khu tắm riêng, Tắm bồn phòng VIP 1	1.935,5	495,1	495,1	25,58	0,26
DV8	Khu tắm riêng, Tắm bồn phòng VIP 2	523,0	174,7	174,7	33,40	0,33
DV9	Nhà Massage	693,3	225,7	225,7	32,55	0,33
DV10	Nhà đón tiếp + Phục vụ khách Bungalow	676,1	137,3	137,3	20,30	0,20
DV11	Khu tắm khoáng bồn (tắm bồn) ngoài trời	586,4	206,2	206,2	35,16	0,35
ĐẤT NGHỈ DƯỠNG		2.850,8	-	-	-	-
ND1	Bungalow 1	1.049,9	335,3	335,3	31,94	0,32
ND2	Bungalow 2	1.800,9	588,3	588,3	32,66	0,33
CÂY XANH		8.856,3	-	-	-	-
CX1	Cây xanh 1	8.469,4	-	-	-	-
CX2	Cây xanh 2	386,9	-	-	-	-
ĐẤT CHUẨN BỊ KỸ THUẬT		228,9	105,3	210,6	45,99	0,92
GIAO THÔNG, SÂN BÃI		6.115,7	-	-	-	-

KH LÔ ĐẤT	TÊN LÔ ĐẤT	DIỆN TÍCH LÔ (m ²)	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (m ²)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT
	TỔNG	63.802,2	8.625,4	9.629,4	13,5	0,2

4. Quy hoạch không gian, kiến trúc, cảnh quan.

- Hình thức kiến trúc đa dạng, phong phú, mang nét hiện đại, hài hoà với cảnh quan đồi núi, sử dụng vật liệu gần gũi với thiên nhiên.
- Trục đường chính nối liền các khu chức năng chính: Khu tắm bùn khoáng, khu nghỉ dưỡng bungalow, các trạm kỹ thuật, công trình công cộng (khu nhà hàng, massage, spa, khu nhà đón, hồ bơi trung tâm,...).
- Các khu dịch vụ tắm bùn khoáng khai thác tầm nhìn cảnh quan và có tính độc lập tương đối với nhau, nối kết bằng hệ đường đi bộ theo các bậc thang; bổ sung thảm thực vật cho các tuyến đường, các tầm nhìn cảnh quan chính.
- Cảnh quan các tuyến đường:
 - + Các tuyến đường trong khu quy hoạch được trồng các loại cây khác nhau mang tính chất dẫn hướng liên kết tới các khu chức năng trong khu du lịch.
 - + Trong khu vực tổ chức các lối đi dạo nhỏ, kết hợp bãi cỏ tạo tính đa dạng cho cảnh quan.
- Các công trình kiến trúc có bố cục khối hiện đại, sử dụng vật liệu địa phương, thân thiện môi trường.

5. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

5.1. Giao thông.

- Đường đối ngoại: Là tuyến đường ven đê thoát lũ, kết nối khu quy hoạch với các khu vực xung quanh.
- Đường nội bộ: Gồm các tuyến đường cơ giới và các đường dạo bộ có lộ giới từ 2m – 6m phục vụ nhu cầu lưu thông trong khu quy hoạch.
- Tại mỗi khu vực bố trí 01 bãi đỗ xe để phục vụ cho nhu cầu sử dụng.

5.2. San nền và thoát nước mưa.

a. San nền:

- Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức, tính khối lượng bằng lưới ô vuông.
- Khu vực xây dựng các công trình dịch vụ, khu vui chơi giải trí tiến hành san nền tạo mặt bằng xây dựng công trình.
- Khu vực xây dựng các Bungalow nghỉ dưỡng, phòng tắm, san nền theo giải pháp san gạt cục bộ tại vị trí xây dựng công trình.
- Sử dụng hệ thống kè, tường chắn, mái ta luy bằng đá hộc xây tại các khu vực giáp núi để đảm bảo ổn định mái dốc, tránh sạt lở và xói mòn bề mặt; bố trí rãnh thu nước tại đỉnh kè, tường chắn để ngăn nước trên núi chảy tràn xuống khu vực quy hoạch.

b. Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa trong khu vực thiết kế là hệ thống thoát nước riêng, sử dụng các tuyến mương hở nắp đan, bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông.

- Nước mưa được thoát theo hướng dốc của địa hình chảy vào các tuyến mương hở nắp đan rồi thoát ra cửa xả dọc theo hệ thống kênh thoát lũ.

5.3. Cấp nước.

- Nguồn nước: Thiết kế đầu nối với tuyến ống cấp nước hiện có trong khu vực để dẫn nước về khu vực bể chứa và trạm bơm tăng áp bố trí tại mỗi khu vực của khu quy hoạch.

- Mạng lưới đường ống cấp nước sinh hoạt và chữa cháy:

- + Tuyến ống chính dẫn nước từ khu vực bể chứa - trạm bơm tăng áp tới các tuyến ống nhánh phân phối để cấp nước tới chân các công trình; các tuyến ống bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông.

- + Mạng lưới cấp nước chính sử dụng chung cho cấp nước sinh hoạt và cấp nước chữa cháy, áp lực nước chữa cháy tại điểm bất lợi nhất là 10m; bố trí các họng cứu hỏa trên các đường ống chính, khoảng cách giữa các họng chữa cháy trung bình khoảng 100m.

- Mạng lưới đường ống cấp nước khoáng, cấp bùn:

- + Nước khoáng được khai thác từ khu vực kỹ thuật để cấp tới các hồ tắm khoáng, khu vui chơi, spa... thông qua hệ thống ống cấp riêng hoàn toàn với cấp nước sinh hoạt.

- + Bùn khoáng sau khi xử lý kỹ thuật sẽ được bơm đến các hồ tắm bùn và định kỳ thu gom xử lý kỹ thuật tại khu xử lý bùn thông qua hệ thống bơm hút riêng biệt.

5.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

a. Thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải là hệ thống riêng, nước thải được thu gom bằng hệ thống cống và dẫn về trạm xử lý tập trung, nước thải được xử lý đạt mức tiêu chuẩn cho phép trước khi thoát ra môi trường; bao gồm:

- Hệ thống thoát nước thải khoáng: Phần nước khoáng hao hụt và xả thải định kỳ được thoát ra hệ thống cống thu gom nước bẩn để dẫn về trạm xử lý của khu quy hoạch.

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ các công trình sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ được thoát vào hệ thống cống thoát chính để dẫn về trạm xử lý. Hệ thống thoát nước thải sử dụng ống HDPE – D200, bố trí theo các tuyến đường giao thông; dọc theo các tuyến ống bố trí các hố ga đầu nối và giếng thăm với khoảng cách phù hợp theo quy định.

- Hệ thống thoát nước bùn: Nước thải có bùn từ các điểm tắm sạch và dội rửa bồn sẽ được thu gom vào các bể lắng bùn, một phần nước thải được đầu nối vào hệ thống cống thu gom để dẫn về trạm xử lý; phần bùn sẽ được thu gom về

khu kỹ thuật để tập kết và xử lý; bùn từ các hồ lắng bùn sẽ được thu bằng ống cấp bùn về khu vực xử lý kỹ thuật.

- Trạm xử lý: Mỗi khu vực thiết kế bố trí 01 trạm xử lý cục bộ; công suất mỗi trạm $Q = 100 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; bể chứa của trạm xử lý được đặt ngầm dưới đất để đảm bảo mỹ quan.

b. Vệ sinh môi trường:

Trong khu vực thiết kế bố trí 02 điểm thu gom chất thải rắn tại các trạm xử lý; chất thải rắn từ các công trình trong khu vực sẽ được tập kết về điểm thu gom để vận chuyển về bãi rác chung của thành phố.

5.5. Cấp điện, chiếu sáng.

- Nguồn điện: Nguồn cung cấp điện cho khu vực quy hoạch sẽ được đấu nối từ tuyến 22kV dự kiến dọc theo đường ven đê sông Tắc; nguồn điện dự phòng lấy máy phát điện dự phòng để kịp thời phục vụ nhu cầu sử dụng khi nguồn điện của thành phố gặp sự cố.

- Lưới điện:

+ Nguồn cấp điện đến các trạm biến áp phụ tải bằng các tuyến cáp ngầm 22KV – Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC $3 \times 120 \text{ mm}^2$ dọc theo đường giao thông.

+ Từ thanh cái trạm biến áp, cấp điện đến các khu chức năng trong khu vực bằng các tuyến cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC $4 \times 95 \text{ mm}$ đi trong các hào cáp riêng đến các tủ điện được đặt ở những vị trí trung tâm và thuận lợi cho triển khai cung cấp điện cho từng Bungalow và khu chức năng vui chơi giải trí.

+ Cáp hạ thế được đấu nối trong trạm và tại các tủ phân phối, sử dụng các đầu cáp hạ áp chuyên dụng phù hợp.

- Giải pháp cấp điện chiếu sáng:

+ Nguồn điện chiếu sáng dùng cho đèn được lấy từ các lộ ra hạ áp của trạm biến áp.

+ Chiếu sáng đường giao thông: Bố trí đèn một bên vỉa hè, cột thép mạ kẽm nhúng nóng cân đơn cao 8m, cân đèn chính lắp 01 bóng natri cao áp 220V/150W, khoảng trụ trung bình 30m.

+ Chiếu sáng khu vực cây xanh, đường dạo: Bố trí các cột đèn chiếu sáng sân vườn lắp 4 bóng compact 220V/26W.

+ Đường dây chiếu sáng dùng cáp cách điện Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC $(4 \times 10) \text{ mm}^2 - 0.4 \text{ kV}$; đoạn đi dọc theo vỉa hè, cáp được chôn trực tiếp ở độ sâu 0.8m; đoạn qua đường, cáp được luồn trong ống nhựa HDPE bảo vệ, chôn ở độ sâu 1m.

+ Tủ điện chiếu sáng đặt ngoài nhà là loại tủ composite kín nước, được cố định trên bê tông đặt trên vỉa hè.

5.6. Thông tin liên lạc.

Hệ thống thông tin liên lạc của khu vực thiết kế gồm: Hệ thống điện thoại quốc tế, hệ thống cáp truyền hình đến từng công trình, hệ thống Telex – Fax; hệ

thông máy tính, máy in trang bị cho khối văn phòng để dùng cho việc xử lý thông tin và quản lý của khu quy hoạch.

6. Đánh giá môi trường chiến lược.

- Thu thập, phân tích, đánh giá sơ bộ hiện trạng môi trường.
- Trên cơ sở kết quả quy hoạch sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan và quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xác định các yếu tố tác động cơ bản về môi trường đối với việc lập quy hoạch phát triển trong khu vực nghiên cứu.
- Căn cứ các tiêu chuẩn quy phạm hiện hành để phân tích đánh giá và dự báo các yếu tố tác động môi trường trong khu vực đối với việc đầu tư xây dựng Trung tâm Spa suối khoáng nóng.
- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp và kế hoạch để giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường trong khu vực, đảm bảo phát triển bền vững lâu dài.
- Việc đánh giá môi trường chiến lược, cam kết giám sát và quản lý môi trường trong các giai đoạn: chuẩn bị, triển khai và vận hành dự án, thực hiện theo nội dung Thuyết minh đồ án.

7. Thiết kế đô thị.

- Tổ chức các không gian ngoài trời có chức năng, đặc điểm rõ ràng; được định hình bằng các chỉ giới xây dựng công trình thống nhất, tường rào, hàng cây, vạch sơn.
- Tạo các không gian mở, tự do và đa dạng trong khu du lịch bằng các tổ chức tầng bậc cây xanh và các công trình xây dựng. Các công trình và không gian bên ngoài phải được thiết kế đồng thời, có tổ chức và tuân thủ thiết kế quy hoạch.
- Tuân thủ chỉ giới xây dựng, tạo văn luật, nhịp điệu kiến trúc phong phú, kết hợp vật liệu địa phương; không gian xanh xung quanh các công trình, giữa các công trình với nhau cần được chú ý; kèm theo yếu tố mặt nước, các đài phun nước, tiểu cảnh được tổ chức trong khuôn viên của các khu dịch vụ công cộng.
- Khi thiết kế xây dựng công trình cần đặc biệt chú ý tới khối tích, khoảng lùi, tầng cao, cao độ, diện tích chiếm đất; cần tuân thủ quy hoạch chi tiết để không làm xáo trộn khuôn viên xây dựng mới, đảm bảo mật độ xây dựng thấp.
- Phía trước các công trình luôn được chú ý tới cảnh quan một cách hoàn hảo, đảm bảo tầm nhìn. Các công trình kiến trúc trên các trục không gian cảnh quan được thiết kế như những điểm nhấn, một cổng đón và có ý nghĩa như điểm kết chặn trục, đóng mở không gian.
- Tạo các hoạt động giao tiếp công cộng, các hoạt động trong và xung quanh các chỗ nghỉ chân, tạo các không gian đa năng, các tuyến di chuyển mạch lạc.
- Đối với khu vực công trình nghỉ dưỡng bungalow lựa chọn hình thức kiến trúc hiện đại, công năng sử dụng thuận tiện, hợp khối với không gian mở hoặc nửa kín; khéo léo kết hợp với sân vườn, đường dạo, công trình thấp tầng hòa lẫn với cây xanh.

- Các công trình nhà dừng chân, chòi nghỉ được xây dựng với hình thức tự nhiên, mái lợp lá, khung cột kết cấu bằng tre, gỗ hoặc vì kèo thép đơn giản.
- Hàng rào được xây dựng bằng cách kết hợp với tường rào và cây xanh, đảm bảo yêu cầu an ninh cách ly lại và làm đẹp cảnh quan chung.

V. Những quy định về quản lý quy hoạch xây dựng.

Quản lý quy hoạch xây dựng Trung tâm spa Suối khoáng nóng Giàng Hương thực hiện theo Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009 và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; đồng thời tuân thủ theo Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt này và các quy định hiện hành của UBND tỉnh Khánh Hòa về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Phân công thực hiện:

Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương; UBND thành phố Nha Trang quản lý khu quy hoạch theo chức năng của ngành, theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương; Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang; Giám đốc Công ty THHH Dịch vụ Thiên Nhiên Xanh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban PC HĐND tỉnh;
- Cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, VC, HM, CN, KN(20b)



CHỦ TỊCH

Lê Đức Vinh

